TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TRỤ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23/4/2019
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Dự;

2. Bà Mai Thị Bỉ.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Võ Thị Thu Thủy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2019/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 02 năm 2019, về việc: "Ly hôn".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 02/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: **Ông Võ Văn N**, sinh năm 1965; Địa chỉ: Lô x, khu phố T, Phường x, thành phố T, tỉnh L (Có mặt).

2/ Bị đơn: **Bà Trần Thị Thu H**, sinh năm 1965; Địa chỉ: Ấp x, xã A, huyện T, tỉnh L (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn, ông Võ Văn N, như sau:

Ông và bà Trần Thị Thu H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1984 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống tại xã A, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1988 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng sống không hợp nhau, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Vợ chồng đã ly thân từ 1988 cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay, vợ chồng không gặp nhau và không có biện pháp gì để vợ chồng đoàn tụ.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị Thu H.

Vợ chồng có 01 con chung tên Võ Thị Kim Th, hiện đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Bị đơn, bà Trần Thị Thu H, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ các thông báo về phiên hòa giải nhưng bà H vắng mặt không có lý do. Do bà H vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Ông Võ Văn N trình bày đã cung cấp đủ chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm đồng thời vẫn giữ ý kiến và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Võ Văn N yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Thu H. Do bà H có hộ khẩu thường trú tại huyện Tân Trụ, tỉnh Long An vì vậy đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn, bà Trần Thị Thu H, đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Ông Võ Văn N và bà Trần Thị Thu H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1984 và có con chung sinh năm 1987. Tuy ông N và bà H không có đăng ký kết hôn nhưng theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 35/2010/NQ-QH10, ngày 09/6/2000 hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia

đình năm 2000 thì việc ông N và bà H chung sống với nhau như vợ chồng trước ngày 03/01/1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực, là hôn nhân thực tế. Ông N yêu cầu được ly hôn với bà H vì cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ năm 1988 cho đến nay đã hơn 30 năm. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục về cấp tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự các thông báo về việc thụ lý vụ án, về việc hòa giải, xét xử nhưng bà H đều vắng mặt không có lý do. Điều này chứng minh bà H không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai bên và hai bên cũng đã ly thân hơn 30 năm. Do đó, Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân giữa ông N và bà H đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông N yêu cầu được ly hôn là có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Võ Thị Kim Th, hiện con chung đã thành niên nên ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản: Ông Võ Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Ông Võ Văn N xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét.

[7] Về án phí: Ông Võ Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn theo quy định là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39; 147; 227, 228, 266, 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51; 56; 57, 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Cho ông Võ Văn N được ly hôn với bà Trần Thị Thu H.

2/ Về án phí: Ông Võ Văn N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 6722, ngày 29/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Ông N đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- CC THA DS huyện Tân Trụ;
- UBND xã A, huyện Tân Trụ;
- UBND Phường x, thành phố Tân An;
-Các đương sự.
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Quốc Dũng